TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 11-7-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 98/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ C, khu phố A, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Phòng G1 có tài trợ cho bà Nguyễn Thị Thu T vay vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 609/TTD ký ngày 22/09/2022. Theo đó, bà Nguyễn Thị Thu T đã sử dụng hạn mức thẻ tín dụng được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn). Mục đích tiêu dùng, khoản vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất 31.2%/năm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Thu T sử dụng thẻ đến ngày 04/02/2025 với dư nợ thẻ là 100.000.000 đồng. Từ thời điểm này đến nay bà Nguyễn Thị Thu T không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng. Do không thực hiện đúng theo cam kết với Ngân hàng nên toàn bộ khoản nợ thẻ tín dụng của khách hàng chuyển sang quá hạn và Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 10/7/2025 tổng số tiền gốc, lãi thẻ tín dụng là 121.412.602 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.275.068 đồng; Lãi quá hạn là 7.137.534 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 10/7/2025 là 121.412.602 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.275.068 đồng; Lãi quá hạn là 7.137.534 đồng. Ngân hàng tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng từ ngày 11/7/2025 đến khi bà Nguyễn Thị Thu T trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên toà:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn thực tế hiện nay không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 22/9/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Phòng G1 cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thu T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/9/2022. Loại thẻ Visa Classic với hạn mức thẻ được cấp là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất 31.2%/năm. Xét thấy, G đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi được cấp thẻ bà Nguyễn Thị Thu T đã thực hiện các giao dịch đến ngày 04/02/2025 với số tiền dư nợ thẻ là 100.000.000 đồng. Từ đó bà Nguyễn Thị Thu T không thực hiện thanh toán cho nguyên đơn. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thực hiện đúng theo cam kết khi không thanh toán phần vốn, lãi cho nguyên đơn nên toàn bộ khoản nợ của khoản vay trên đã chuyển sang quá hạn và nguyên đơn đã khoá thẻ tín dụng nêu trên. Nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn về việc thanh toán thẻ tín dụng quá hạn nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tính đến ngày 10/7/2025 là 121.412.602 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.275.068 đồng; Lãi quá hạn là 7.137.534 đồng. Tiền lãi nguyên đơn yêu cầu phát sinh trên số dư nợ gốc, theo thoả thuận được ghi tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/9/2022 là 31.2%/năm. Đây là sự thoả thuận của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các điều khoản

trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2025 là 121.412.602 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.275.068 đồng; Lãi quá hạn là 7.137.534 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 11/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu và đã nộp đủ

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 351; Điều 352; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2025 là 121.412.602 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu bốn trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ hai đồng), trong đó: Dư nợ gốc là 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 14.275.068 đồng; Lãi quá hạn là 7.137.534 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thu T còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/9/2022 tính từ ngày 11/7/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu và đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 6.070.630 đồng (Sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.612.192 đồng (Hai triệu sáu trăm mười hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002547 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị L1